

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HOÀN THIỆN TRÌNH GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HOÀN THIỆN TRÌNH GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRINH GIA FINISHING FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRINH GIA FF CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110284308

3. Ngày thành lập: 14/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 259 đường Hoàng Tăng Bí, tổ 1, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982116892

Fax:

Email: Noithathoanthientrinhgia@gmail.com Website: il.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa. Cụ thể: Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu); Lò sưởi, tháp làm lạnh; Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống ống dẫn	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại ((Không gồm kinh doanh vàng miếng)Không gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Khai thác gỗ	0220
25.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
26.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
27.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Bán buôn tổng hợp	4690
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
41.	Sản xuất sợi	1311
42.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
43.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: Vải nhung và vải bông, Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự, Các loại vải bằng đan móc khác; Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan; Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục)	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...; Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, Sản xuất nỉ, Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa, Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng..., Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông, Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), Sản xuất vải lót máy móc, Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, Sản xuất dây giày, Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, May bao đựng gạo, vest sô quần áo	1399
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	Cửa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
54.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
58.	In ấn	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
60.	Sao chép bản ghi các loại	1820
61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

62.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
63.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
64.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
65.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
67.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
68.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
69.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
70.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
73.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4799
74.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định (Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4921
75.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định (Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4922
76.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định (Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4929
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4931
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: – Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6 nghị định 10/2020/NĐ-CP) – Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 nghị định 10/2020/NĐ-CP) – Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932

79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: – Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (loại trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).	5229
85.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
90.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
91.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
92.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
93.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94.	Xây dựng nhà để ở	4101
95.	Xây dựng nhà không để ở	4102
96.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
97.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
98.	Xây dựng công trình điện	4221
99.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
100.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
101.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
102.	Xây dựng công trình thủy	4291
103.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
104.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
105.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
106.	Phá dỡ	4311
107.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
108.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

109.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
110.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
111.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
112.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
113.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
115.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
116.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
117.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
118.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
119.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
120.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ kinh doanh các lĩnh vực tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN VĂN TRÌNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035092001795

Ngày cấp: 13/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 8, Thôn Mai Động, Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 259 đường Hoàng Tăng Bí, tổ 1, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN TRÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035092001795

Ngày cấp: 13/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 8, Thôn Mai Động, Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 259 đường Hoàng Tăng Bí, tổ 1, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội